

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TRƯỜNG THCS MA LÂM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

BÌNH THUẬN – NĂM 2024

UBND HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TRƯỜNG THCS MA LÂM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Văn Chấn	Bí thư Chi bộ-Hiệu trưởng	CT HĐ	
2	Phạm Ngọc Quân	Phó Hiệu trưởng	Phó CT HĐ	
3	Lâm Minh Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó CT HĐ	
4	Nguyễn Ngọc Lưu	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên HĐ	
5	Ngô Thị Lăng	Giáo viên	Thư ký	
6	Nguyễn Ngọc Ân	Tổ trưởng tổ Toán-Tin	Ủy viên HĐ	
7	Lương Thị Ngọc Hải	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Ủy viên HĐ	
8	Hồ Đặng Thùy Dương	Tổ trưởng tổ tiếng Anh	Ủy viên HĐ	
9	Nguyễn Thị Hiếu	Tổ trưởng tổ KHTN-CN	Ủy viên HĐ	
10	Trần Thị Hằng	Tổ trưởng tổ Sử-Địa-GDCD	Ủy viên HĐ	
11	Lê Thị Trà Giang	Tổ trưởng tổ Nghệ thuật-TD	Ủy viên HĐ	
12	Lê Thị Kim Huyền	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên HĐ	
13	Nguyễn Thái Bảo	Giáo viên phụ trách PCGD	Ủy viên HĐ	
14	Lưu Minh Dũng	Giáo viên TPT Đội	Ủy viên HĐ	
15	Trần Thị Ái Liên	Nhân viên Văn thư	Ủy viên HĐ	
16	Trần Thị Hải Châu	Nhân viên Thư viện	Ủy viên HĐ	
17	Trần Thị Bích Thi	Nhân viên Y tế, Thủ quỹ	Ủy viên HĐ	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1 Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	16
Tiêu chí 1.3	18
Tiêu chí 1.4	20
Tiêu chí 1.5	22
Tiêu chí 1.6	23
Tiêu chí 1.7	25
Tiêu chí 1.8	26
Tiêu chí 1.9	28
Tiêu chí 1.10	30
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	32
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1	33
Tiêu chí 2.2	35
Tiêu chí 2.3	37
Tiêu chí 2.4	39
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	40
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 3.1	42
Tiêu chí 3.2	43
Tiêu chí 3.3	45
Tiêu chí 3.4	46
Tiêu chí 3.5	47
Tiêu chí 3.6	49
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	51

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 4.1	51
Tiêu chí 4.2	53
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	55
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	55
Mở đầu	56
Tiêu chí 5.1	56
Tiêu chí 5.2	58
Tiêu chí 5.3	60
Tiêu chí 5.4	62
Tiêu chí 5.5	63
Tiêu chí 5.6	65
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	69
C. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	69
Tiêu chí 1	69
Tiêu chí 2	70
Tiêu chí 3	70
Tiêu chí 4	71
Tiêu chí 5	72
Tiêu chí 6	72
Kết luận mức 4	73
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	74

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

Chuỗi ký tự viết tắt	Cụm từ, thuật ngữ được viết tắt
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
BĐD CMHS	Ban đại diện cha mẹ học sinh
BDTX	Bồi dưỡng thường xuyên
CMHS	Cha mẹ học sinh
CSVC	Cơ sở vật chất
CB, GV, NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
GDPT	Giáo dục phổ thông
HS	Học sinh
NGLL	Ngoài giờ lên lớp
PCGD	Phổ cập giáo dục
PCCM	Phân công chuyên môn
SGK	Sách giáo khoa
TDTT	Thể dục thể thao
THCS	Trung học cơ sở
TĐG	Tự đánh giá
TNTP	Thiếu niên Tiền Phong
UBND	Ủy ban Nhân dân
XMC	Xóa mù chữ
KHTN	Khoa học tự nhiên
CN	Công nghệ
GD&ĐT	Giáo dục công dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	Không đạt
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	Không đạt
Tiêu chí 2.2		X	X	Không đạt
Tiêu chí 2.3		X	X	Không đạt
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	Không đạt

Mức 1 (28/28); Mức 2 (28/28); Mức 3 (15/20)

Kết quả: Đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4: đạt 1/6; không đạt 5/6, kết quả: không đạt.

2. Kết luận: *Trường đạt Mức 2.*

Phần I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường THCS Ma Lâm

Tên trước đây: Trường THCS Ma Lâm

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Hàm Thuận Bắc

Tỉnh	Bình Thuận	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Chấn
Huyện	Hàm Thuận Bắc	Điện thoại	0252.3611142
Thị trấn	Ma Lâm	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Website	www.thcsmlam.edu.vn
Năm thành lập trường	2001	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	0
Tư thục	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0		

1. Số lớp học:

Số lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối Lớp 6	8	8	8	7	8
Khối Lớp 7	8	8	8	9	7
Khối Lớp 8	8	8	8	8	9

Khối Lớp 9	8	8	8	8	7
Cộng	32	32	32	32	31

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường:

T T	Số liệu	Năm học 2018-201 9	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-202 1	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-202 3
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập					
1	Phòng học	16	16	16	24	24
a	Phòng kiên cố	16	16	16	24	24
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng học tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	6	6	6	6	6
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng học tạm	0	0	0	0	0
3	Khối hỗ trợ học tập	1	1	1	1	1
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
b	Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng học tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính quản trị					
1	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1
IV	Các công trình, khối phòng	0	0	0	0	0

	chức năng khác					
	Cộng	32	32	32	40	40

Ngoài ra, nhà trường có 01 khu vực để xe giáo viên và 01 khu vực để xe học sinh.

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

Chức vụ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	01	0	
Phó hiệu trưởng	02	01	0	0	02	0	
Giáo viên	62	54	0	0	62	0	
Nhân viên	06	04	0	5	01	0	
Cộng	71	50	0	5	66	0	

b) Số liệu của 05 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	61	59	61	61	61
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	61/32 1,90	59/32 1,84	61/32 1,90	61/32 1,90	61/31 1,96
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	61/1099 0,05	59/1158 0,05	61/1088 0,05	61/1146 0,50	61/1163 0,50
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp trường	21	21	0	0	21
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện	7	7 (bảo lưu)	7 (bảo lưu)	3	1

4. Học sinh:

a) Số liệu chung

Khối lớp/ Tổng số	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
	1099	1088	1158	1146	1163
Khối lớp 6	288	282	358	278	321
Khối lớp 7	279	273	270	345	257
Khối lớp 8	278	277	272	258	335
Khối lớp 9	254	256	258	265	250
Nữ	526	516	594	580	590
Dân tộc	84/45	75	82	93	75
Đối tượng chính sách	119	81	50	66	47
Khuyết tật	0	0	0	1	2
Tuyển mới	267	254	306	260	287
Lưu ban	13	08	09	05	04
Bỏ học	0	0	0	0	0
Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
Bán trú	0	0	0	0	0
Nội trú	0	0	0	0	0
Tỷ lệ bình quân học sinh/lớp	34,34	34	36,12	35,81	37,51
Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%
Nữ	100%	100%	100%	100%	100%
Dân tộc	100%	100%	100%	100%	100%
Tổng số học sinh/học viên hoàn thành chương trình cấp học/tốt nghiệp	252	252	246	255	245
Nữ	130	100	132	132	119
Dân tộc	21	16	11	21	18
Tổng số học sinh/học viên giỏi cấp tỉnh	13	0	6	0	12
Tổng số học sinh/học viên giỏi quốc gia	1	0	0	0	0

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-201 9	Năm học 2019-202 0	Năm học 2020-202 1	Năm học 2021-202 2	Năm học 2022-202 3	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	20,20%	24,03%	23,58%	29,86%	28,48%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	28,58%	29,52%	32,92%	32,42%	30,67%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	1,21%	0,76%	0,80%	0,45%	0,35%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	44,79%	47,68%	46,89%	49,95%	46,55%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	41,53%	40,68%	39,59%	38,27%	43,48%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	13,69%	11,64%	13,52%	11,78%	10,07%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường THCS Ma Lâm được tái lập theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 13/8/2001 của Chủ tịch UBND huyện Hàm Thuận Bắc về việc thành lập Trường THCS Ma Lâm, đặt tại khu phố Lâm Giáo, thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, diện tích 18.000m². Nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia Lần đầu năm 2013, duy trì đạt chuẩn quốc gia Lần 2 năm 2018.

Ma Lâm là thị trấn, trung tâm chính trị-kinh tế-văn hóa xã hội của huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thị trấn cách thành phố Phan Thiết khoảng 15 km về hướng Bắc. Ma Lâm chia làm 6 khu phố và có tổng số diện tích theo km² (16,69 km²); dân số của thị trấn Ma Lâm hiện nay khoảng 15.090 người. Cư dân chủ yếu là người Kinh và người Chăm. Người Kinh sống tập trung ở các khu phố như: Khu phố 1, Lâm Giáo, Lâm Hoà, Tầm Hưng và Nà Bồi. Người Chăm sống ở Khu phố 3. Kinh tế chính là nông nghiệp, ngoài ra còn có kinh doanh và dịch vụ. Giao thông có đường sắt Bắc Nam đi qua ga Ma Lâm, Quốc lộ 28 nối từ thành phố Phan Thiết đến tỉnh Lâm Đồng.

Mạng lưới trường lớp trên địa bàn Thị trấn có: 01 trường THPT, 01 trường chuyên biệt (PTDT Nội trú Hàm Thuận), 01 trường THCS, 01 trường mầm non, 01 trường mẫu giáo và 02 trường tiểu học, tạo thuận lợi cho việc huy động học sinh ra lớp và giữ chuẩn quốc gia PCGD-XMC; duy trì Trường đạt chuẩn Quốc gia.

Quá trình hình thành và phát triển số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) và HS khá ổn định. Đầu năm học 2023-2024, CB, GV, NV là 71 người; trường có 32 lớp với 1187 học sinh. Trường có 07 tổ: tổ Toán-Tin, tổ KHTN-CN, tổ Ngữ văn, tổ Sử-Địa-GDCD, tổ tiếng Anh, tổ Nghệ thuật-Thể dục và 01 tổ Văn phòng; Chi bộ Đảng có 32 đảng viên/24 nữ. Các tổ chức đoàn thể được thành lập và hoạt động đúng quy định.

2. Mục đích tự đánh giá:

Thông qua tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn, nhà trường đánh giá được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm yếu, đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo các tiêu chí. Qua đó, nhà trường cam kết từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Về phạm vi tự đánh giá: Trường đã bao quát toàn bộ các hoạt động của đơn vị theo 28 tiêu chí được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá trường THCS Ma Lâm đã đánh giá theo quy trình 7 bước được quy định tại hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

Trong suốt thời gian tiến hành công tác tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá đã huy động toàn thể đội ngũ CB, GV, NV cùng với sự tham gia của cấp ủy Đảng. Để công tác tự đánh giá được tiến hành thuận lợi, có hiệu quả, hội đồng tự đánh giá của trường xác định rõ các nguồn lực, CSVC, nguồn lực về tài chính.

Kế hoạch tự đánh giá của trường còn thể hiện cụ thể từng hoạt động đánh giá và thời gian cần tiến hành. Công việc dự kiến, các thông tin minh chứng cần thu thập cho từng tiêu chí được Hội đồng phân công một cách cụ thể, khoa học. Sau khi hoàn thành các phiếu đánh giá tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành viết báo cáo. Dự thảo báo cáo tự đánh giá được công bố công khai trong đơn vị để lấy ý kiến đóng góp của tập thể và cá nhân trong và ngoài nhà trường. Sau đó Hội đồng tự đánh giá chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện và công bố báo cáo trước toàn trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường THCS Ma Lâm xác định: tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, giữ vai trò quyết định đến hiệu quả và chất lượng các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được tập thể sư phạm tham gia, gắn với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục. Hàng năm đơn vị đều rà soát, điều chỉnh, bổ sung, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế cũng như chỉ đạo, hướng dẫn của ngành cấp trên.

Hiệu trưởng các Phó Hiệu trưởng; các tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng, lớp học cơ bản đủ về số lượng và cơ cấu tổ chức, có kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Chi bộ Đảng, các tổ, bộ phận đoàn thể được thành lập, có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực trong các hoạt động giáo dục của đơn vị.

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác như: Hội đồng Thi đua, Khen thưởng; Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục; chi hội Chữ Thập đỏ; chi hội Khuyến học... phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ trọng tâm trong từng năm học. Cơ sở vật chất nhà trường được quản lý và sử dụng có hiệu quả, phát huy công năng, ngoài ra, được quan tâm bổ sung, sửa chữa kịp thời, đáp ứng các nhu cầu hoạt động dạy học, giáo dục toàn diện.

Kế hoạch giáo dục hàng năm được xây dựng kịp thời, thực hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung kịp thời. Nhà trường đảm bảo các quy định về hoạt động quy chế dân chủ ở cơ sở; an ninh trật tự, an toàn trường học. Cảnh quang, môi trường xanh-sạch-đẹp góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả giáo dục và xây dựng văn hóa học đường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục THCS được quy định tại Luật Giáo dục (Điều 29 Luật Giáo dục số 43 ngày 16/6/2019), định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2: Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3: Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của ngành cấp trên, tình hình thực tế của đơn vị và địa phương, nhà trường đã xây dựng Đề án trường đạt chuẩn quốc gia; Đề án vị trí việc làm; Kế hoạch phát triển trường, lớp, học sinh hàng năm được cấp trên phê duyệt. Nghị quyết Đại hội Chi bộ các nhiệm kỳ [H1-1.1- 01] và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ từng năm học [H1-1.1-02]. Các Nghị quyết, Kế hoạch được xây dựng rõ ràng, phù hợp mục tiêu giáo dục phổ thông cấp THCS được quy định tại Luật Giáo dục (Điều 29 Luật Giáo dục số 43 ngày 16/6/2019).

b) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong 5 năm qua được cụ thể hóa bằng văn bản và được ngành cấp trên xem xét, cho ý kiến [H1-1.1- 02].

c) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong từng năm học đã được thông báo công khai tới toàn thể CB, GV, NV, HS và CMHS thông qua các phiên họp Chi bộ định kỳ, họp hội đồng sư phạm, họp cha mẹ học sinh và được gửi qua email, website nội bộ của nhà trường [H1-1.1- 03].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có các giải pháp nhằm duy trì Trường đạt chuẩn quốc gia và thực hiện nhiệm vụ năm học thể hiện qua báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo chuyên đề [H1-1.1- 04].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển thể hiện trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.1- 02]. Khi tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược và phát triển, có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường; giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và đại diện ban ngành, đoàn thể ở địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh:

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng bằng văn bản và xác định rõ mục tiêu phấn đấu, nhiệm vụ trọng tâm, biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn.

Nội dung các mục tiêu và giải pháp thực hiện đề ra trong phương hướng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và mục tiêu giáo dục cấp THCS được quy định tại Luật Giáo dục.

3. Điểm yếu: Không**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:**

Trong thời gian tới, tham mưu cho Lãnh đạo các cấp, định hướng chiến lược phát triển giáo dục nhà trường giai đoạn 2027-2032, tầm nhìn đến 2037 làm cơ sở để phân đấu, phát triển.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác******Mức 1:***

- a) Được thành lập theo quy định điều lệ trường Phổ Thông
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2: Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Trường THCS Ma Lâm là loại hình trường công lập, có Hội đồng trường được thành lập theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.2-01]. Ngoài ra, nhà trường còn có Hội đồng Thi đua, Khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học [H1-1.2-02] và các hội đồng khác như: Hội đồng khoa học, sáng kiến cấp trường; Hội đồng tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục... [H1-1.2-03].

b) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Điều lệ trường trung học [H1-1.2-01]; các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường trung học [H1-1.2-03].

c) Hoạt động của các hội đồng nói trên thực hiện theo kế hoạch, được báo cáo, đánh giá thông qua các phiên họp Chi bộ định kỳ, phiên họp hội đồng sư phạm [H1-1.2-01], thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo chuyên đề từng năm học [H1- 1.1 - 04].

Mức 2:

Các hội đồng được đề cập ở trên hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, được thể hiện trong hồ sơ lưu trữ [H1-1.2- 02] và trong các báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo chuyên đề [H1- 1.1- 04]. Trong 05 năm qua, nhà trường đã duy trì có nền nếp, đạt chất lượng phong trào thi đua “Dạy tốt, Học tốt”, riêng năm học 2022-2023, Trường có 01 sáng kiến được UBND Huyện xếp loại B, đạt danh hiệu: Chiến sĩ thi đua cơ sở (CSTD) và được UBND Tỉnh tặng Bằng khen (02 năm liền đạt danh hiệu CSTD cơ sở). Ngoài ra, còn có 01 giáo viên đạt danh hiệu: Giáo viên dạy giỏi cấp Huyện.

2. Điểm mạnh:

Các hội đồng trong nhà trường được thành lập đúng quy định, đảm bảo đủ cơ cấu theo Điều lệ trường trung học và hướng dẫn của cấp trên. Các thành viên trong từng hội đồng thực hiện nhiệm vụ đồng bộ, hiệu quả, dân chủ, trách nhiệm, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy phong trào thi đua, giúp đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Điểm yếu:

Riêng hoạt động của Hội đồng trường chưa đi vào nền nếp và theo quy trình hướng dẫn mà chủ yếu lồng ghép trong hoạt động của các hội đồng khác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong thời gian tới nhà trường quan tâm hơn đến hiệu quả, chất lượng của Hội đồng trường đồng thời duy trì nền nếp, chất lượng hoạt động của các hội đồng khác.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Nhà trường có các bộ phận đoàn thể: Công đoàn [H1-1.3-01]; Đội TNTP Hồ Chí Minh [H1-1.3-02]; chi hội Chữ Thập đỏ; chi hội Khuyến học [H1-1.3-03].

b) Các đoàn thể hoạt động theo quy định và điều lệ. Công tác phối hợp khá đồng bộ giúp nhà trường thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục đề ra [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

c) Hàng năm các hoạt động của đoàn thể được rà soát, đánh giá; thể hiện trong các báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo chuyên đề và đánh giá, xếp loại của ngành cấp trên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2:

a) Đơn vị có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-04]. Chi bộ nhà trường tại thời điểm tự đánh giá có 33 đảng viên, trong đó có 01 (một) đảng viên

dự bị. Chi bộ có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ lưu trữ đầy đủ các loại hồ sơ và các văn bản của cấp uỷ cấp trên về nhận xét, đánh giá hoạt động của tổ chức Đảng trong nhà trường [H1-1.3-04].

Trong 05 năm liền (từ năm 2018 đến năm 2022), Chi bộ được Đảng uỷ Thị trấn công nhận đạt danh hiệu: Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, thể hiện ở đánh giá, xếp loại hàng năm của ngành cấp trên, qua các quyết định công nhận, giấy khen, bằng khen [H1-1.3-02].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liền kể trước khi đề nghị công nhận, Chi bộ đều được đánh giá, xếp loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, thể hiện ở đánh giá, xếp loại hàng năm của ngành cấp trên, qua các quyết định công nhận, giấy khen, bằng khen [H1-1.3-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Chi bộ Đảng, các đoàn thể (Công đoàn, Đoàn-Đội) và tổ chức khác (chi hội Chữ Thập đỏ, chi hội Khuyến học). Chi bộ Đảng, các đoàn thể và các tổ, bộ phận trong nhà trường hoạt động đồng bộ, có sự phối hợp kịp thời, hiệu quả. Trong 05 năm qua đều được cấp trên đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-02].

3. Điểm yếu: không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức, bộ phận, đoàn thể trong nhà trường. Hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Nhà trường có Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng do Chủ tịch UBND Huyện bổ nhiệm [H1-1.4-01].
- b) Nhà trường có 06 tổ Chuyên môn và 01 tổ Văn phòng. Hiện tại, các tổ này đều có tổ trưởng và tổ phó, do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu, tín nhiệm của CB, GV, NV. Tổ Văn phòng gồm viên chức làm công tác văn thư; kế toán; nhân viên thư viện, nhân viên quản lý thiết bị, nhân viên y tế kiêm thủ quỹ và nhân viên bảo vệ [H1-1.4-02].
- c) Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần và kế hoạch chuyên đề. Định kỳ có báo cáo sơ kết, tổng kết [H1-1.1-04]; [H1-1.4-03].

Mức 2:

- a) Hằng năm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, dựa trên điều kiện thực tế của nhà trường, các tổ Chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch tổ chức các chuyên đề. Mỗi tổ đã đề xuất ít nhất 02 chuyên đề trong năm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục [H1-1.4-03].
- b) Các tổ Chuyên môn sinh hoạt 02 lần/tháng và tổ Văn phòng sinh hoạt 01 lần/tháng theo quy định. Nội dung sinh hoạt bao gồm những vấn đề như: đánh giá các công tác đã thực hiện trong tháng; xây dựng kế hoạch dạy học, bài dạy, dự giờ theo hướng đổi mới nâng cao phẩm chất, năng lực người học; đề ra kế hoạch cho thời gian kế tiếp. Xếp loại thi đua theo đợt, cuối học kỳ và cuối năm học các tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng tiến hành đánh giá xếp loại thi đua, đánh giá xếp loại viên chức, chuẩn nghề nghiệp theo quy định [H1-1.4-02].

Mức 3:

a) Hoạt động của các tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-03].

b) Tổ Chuyên môn thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được phân công, các chuyên đề hàng năm đã góp phần duy trì ổn định nền nếp và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng; các tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng thực hiện nhiệm vụ theo quy định và điều lệ. Các tổ đủ cơ cấu, tổ chức, có kế hoạch hoạt động và thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

Hàng năm tổ Chuyên môn đề xuất nhiều giải pháp, có tác dụng duy trì ổn định và từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

3. Điểm yếu:

Chất lượng về hồ sơ của các tổ Chuyên môn có lúc, có tổ cũng còn thiếu, sai sót. Trong những năm gần đây số giáo viên tham gia phong trào giáo viên dạy giỏi, viết sáng kiến, đề tài khoa học có chiều hướng giảm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo các tổ Chuyên môn và tổ Văn phòng khắc phục những hạn chế, nâng cao chất lượng, hiệu quả về đổi mới phương pháp sinh hoạt tổ, cùng với công đoàn vận động CB, GV, NV tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước mang lại lợi ích thiết thực và hiệu quả.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học được tổ chức theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2: Trường không quá 45 lớp (Bốn mươi lăm). Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3: Trường không quá 45 lớp (Bốn mươi lăm). Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông không quá 40 (Bốn mươi) học sinh, số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ 4 khối lớp theo quy định của cấp THCS: khối Lớp 6, khối Lớp 7, khối Lớp 8 và khối Lớp 9 thể hiện trong hồ sơ học sinh [H1-1.5 -01] và trong các loại hồ sơ khác [H1-1.5-02].

b) Trong các năm học, HS được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định của BGDDT. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp, gồm lớp trưởng, 03 lớp phó do tập thể lớp đề cử; trong mỗi lớp được chia thành 4 tổ; mỗi tổ không quá 12 HS, có tổ trưởng và tổ phó do các thành viên trong tổ đề cử, thể hiện trong kế hoạch của giáo viên chủ nhiệm [H1-1.5 -03].

c) Các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và quản lý của nhà trường. Mỗi lớp đều có ban cán sự lớp, được thành lập theo một quy trình dân chủ, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính mình, phát huy quyền làm chủ và các giá trị văn hóa.

Mức 2:

Năm học 2022-2023, trường có 31 lớp, với 08 Lớp 6; 07 Lớp 7, 09 Lớp 8 và 07 Lớp 9. Năm học 2023-2024 trường có 32 lớp, với 09 Lớp 6; 08 Lớp 7; 07 Lớp 8 và 08 Lớp 9. Sĩ số bình quân các lớp theo quy định và đảm bảo theo kế hoạch phát triển trường lớp, học sinh hàng năm được phê duyệt [H1-1.5-04].

Mức 3:

Trong 05 năm từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 và đầu năm học 2023-2024 số lớp của nhà trường bình quân hàng năm không quá 32 lớp. Tuy nhiên, khối Lớp 6 năm học 2020-2021 có 8 lớp với 358 học sinh, bình quân 44,75 học sinh/lớp, vượt so với quy định.

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có đầy đủ các lớp của cấp học THCS.
- Học sinh được biên chế theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định, phần lớn học sinh chăm ngoan, học giỏi, biết vâng lời thầy cô.
- Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, các kỳ thi, hội thi và đạt được một số kết quả nhất định.

3. Điểm yếu:

Khối Lớp 6 năm học 2020-2021 có 8 lớp với 358 HS, bình quân 44,75 học sinh/lớp, vượt quy định, nhưng phòng học nhỏ HS ngồi không thoải mái, khó tổ chức các hoạt động trao đổi, thảo luận theo nhóm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

- Nhà trường thường xuyên chỉ đạo cho GVCN thực hiện các biện pháp quản lý HS, tăng cường công tác phối hợp giáo dục bằng nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau.

- Nhà trường tổ chức hội thảo cấp trường về nâng cao chất lượng công tác chủ nhiệm lớp đầu mỗi năm học. Tổ chức hội thi GVCN lớp giỏi cấp trường, nhằm vinh danh các giáo viên chủ nhiệm giỏi và chuẩn bị các điều kiện để dự thi GVCN giỏi cấp huyện.

- Kiến nghị UBND Huyện, thông qua Phòng Nội vụ, Phòng GD&ĐT, tổ chức biên chế theo kế hoạch phát triển trường lớp theo quy định, phù hợp với diện tích phòng học hiện nay, đáp ứng tiêu chí trường chuẩn và việc đổi mới phương pháp dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản nhà trường

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3: Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện việc quản lý lưu trữ văn bản đi, đến theo quy định và được lưu trữ theo từng năm học, phân loại theo mục [H1-1.6-01].

b) Hằng năm, nhà trường lập dự toán ngân sách nhà nước và được cấp trên phê duyệt [H1-1.6-02]. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, của Phòng Tài chính- Kế hoạch Huyện. Việc công khai tài chính được thực hiện theo quy định của Nhà nước. Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được xây dựng một cách dân chủ, công khai, được bổ sung và cập nhật hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế, các quy định mới ban hành [H1-1.6-03].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả, phát huy tối đa công năng để phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Nhà trường sử dụng phần mềm Misa trong công tác kế toán giúp nâng cao hiệu quả việc cập nhật dữ liệu và lập các loại hồ sơ sổ sách kế toán theo quy định [H1-1.6-02].

b) Trong 05 năm qua (từ năm 2018 đến 2023) nhà trường không có vi phạm liên quan đến quản lý hành chính; tài chính; tài sản.

Mức 3:

Hàng năm nhà trường đều tích cực tham mưu với ngành cấp tạo nguồn tài chính hỗ trợ, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động giáo dục của đơn vị [H1-1.6-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, kịp thời việc lập dự toán, thu chi, quyết toán, báo cáo tài chính, tài sản; công khai tài chính, tài sản theo quy định.

Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường đảm bảo quy chế dân chủ, sát thực với điều kiện thực tế, có tính khả thi. Thực hiện minh bạch việc quản lý và sử dụng tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn hạn chế trong việc quản lý, lưu trữ văn bản đi, đến theo quy định. Chưa có kế hoạch trung và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với đặc điểm, điều kiện của một trường thuộc trung tâm huyện lỵ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, nhà trường sớm ban hành nội quy về công tác Văn thư; thực hiện việc quản lý lưu trữ văn bản đi, đến đúng theo quy định theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác Văn thư; hệ thống hồ sơ nhà trường lưu trữ theo từng năm học, phân loại theo mục và thực hiện lưu trữ với thời gian theo quy định của Luật lưu trữ.

Lập kế hoạch trung và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2: Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trong các năm học qua nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV [H1-1.1-02]; [H1-1.7-01]. Việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB, GV, NV được nhà trường bám sát các hướng dẫn, chỉ đạo của ngành cấp trên và điều kiện, tình hình thực tế của đơn vị.

b) Đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, trên cơ sở phẩm chất, năng lực và sự tin nhiệm của viên chức Hiệu trưởng ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV một cách phù hợp với vị trí việc làm, đảm bảo dân chủ, công khai. Phát huy tối đa chức trách, nhiệm vụ được giao của từng viên chức trong đơn vị [H1-1.1-02]; [H1-1.7-02].

Việc phân công nhiệm vụ của CB, GV, NV luôn đảm bảo tính hiệu quả, phát huy năng lực, sở trường và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn nghề nghiệp theo quy định [H1-1.1-04]; [H1-1.7-03].

c) Tất cả CB, GV, NV được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, được hưởng đầy đủ tiền lương và phụ cấp theo quy định, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, chính sách và các quyền khác theo quy định [H1-1.7-04].

Mức 2:

Nhà trường áp dụng nhiều biện pháp nhằm phát huy năng lực, sở trường của CB, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.1-02]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh:

Hàng năm nhà trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phân công sử dụng đội ngũ phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo tính hiệu quả. Thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách đối với viên chức và người lao động.

3. Điểm yếu:

Việc ứng dụng CNTT, cập nhật các phần mềm, đổi mới phương pháp dạy học ở một vài GV cũng còn hạn chế. Trong đó có vấn đề về tuổi tác, sức khỏe và điều kiện gia đình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường cùng với Công đoàn tiếp tục động viên và tạo điều kiện để CB, GV, NV tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới của Chương trình GDPT 2018.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2: Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT; các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Sở GD&ĐT; Phòng GD&ĐT [H1-1.1-02].

Kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục của Tổ/Nhóm chuyên môn đều được nhà trường xem xét, phê duyệt trước khi thực hiện [H1-1.8-01];

b) Quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của Tổ/Nhóm chuyên môn được bám sát theo hướng dẫn tại công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ GD&ĐT, thực hiện chương trình giáo dục địa phương các môn học theo phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT và tài liệu do Sở GD&ĐT biên soạn, phát hành [H1-1.8-01], [H1-1.8-02], [H1-1.1-04].

c) Kế hoạch giáo dục được nhà trường rà soát, điều chỉnh bổ sung sau khi kết thúc Học kỳ 1 và vào đầu mỗi năm học tiếp theo [H1-1.8-01], [H1-1.1-04].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được thực hiện có nền nếp, thể hiện qua số liệu cụ thể hàng năm và được ngành cấp trên đánh giá [H1-1.8-01].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc quản lý dạy thêm, học thêm theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của ngành cấp trên. Việc tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường đảm bảo đúng quy định (chủ yếu là dạy ôn tập tuyển sinh vào Lớp 10 hàng năm), góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo của đơn vị. Trường lưu đầy đủ hồ sơ, có giấy cam kết tự nguyện của học sinh, sự đồng thuận của CMHS. Nhà trường thường xuyên quán triệt tới cán bộ, giáo viên các quy định của Bộ GD&ĐT, của ngành cấp trên về việc dạy thêm, học thêm trong và ngoài nhà trường [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục trên cơ sở các quy định hiện hành, điều kiện của địa phương và tình hình thực tế của nhà trường. Việc quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của ngành cấp trên, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Chất lượng kế hoạch giáo dục của một vài tổ, bộ phận chưa chỉnh chu, còn một số hạn chế, thiếu sót. Quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn có lúc, có nơi còn chậm so với kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo duy trì ổn định nền nếp, từng bước nâng chất lượng giáo dục, bám sát các văn bản hướng dẫn của ngành cấp trên. Các bộ phận, tổ nhóm chuyên môn và mỗi cá nhân phải cụ thể từng nhiệm vụ, có phân công, thời gian hoàn thành. Kiểm tra, rà soát, điều chỉnh cũng như đánh giá kết

quả đạt được. Lãnh đạo nhà trường tổ chức phê duyệt kế hoạch, đề nghị rà soát, bổ sung phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế trước khi triển khai thực hiện.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	-	-
B	Đạt	-	-	-	-
C	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2: Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Tất cả CB, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động giáo dục của nhà trường (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ GD&ĐT).

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức hội nghị Nhà giáo, viên chức và người lao động. Thông qua hội nghị này rà soát những việc làm được, chưa được. Lắng ý kiến đóng góp, bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và các quy chế hoạt động [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, lãnh đạo nhà trường luôn đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch [H1-1.9-03].

b) Trong 05 năm qua, nhà trường không có hiện tượng khiếu nại tố cáo vượt cấp [H1-1.9-01]. Các kiến nghị, phản ánh từ phía CB, GV, NV, HS và CMHS được lãnh đạo nhà trường trực tiếp giải quyết, đầy đủ, kịp thời

[H1-1.9-03]. Nhà trường đã ban hành nội quy tiếp công dân, sổ ghi chép khi tiếp công dân theo quy định [H1-1.9-04].

c) Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời kết quả hoạt động quy chế dân chủ ở cơ sở theo yêu cầu của ngành cấp trên [H1-1.9-05].

Mức 2:

Ban thanh tra nhân dân, Ban kiểm tra nội bộ trường học hiện việc giám sát các hoạt động nhà trường trong đó có việc thực hiện quy chế dân chủ [H1-1.9-01]. Ban kiểm tra nội bộ trường học tổ chức các cuộc kiểm tra theo kế hoạch. Nhà trường có các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả được thể hiện qua việc lập hộp thư góp ý, cung cấp số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ cổng thông tin điện tử, hệ thống các bảng thông báo công khai, ban hành cơ chế giám sát tại quy chế dân chủ ở cơ sở [H1-1.9-02]; nội quy tiếp công dân [H1-1.9-04]; [H1-1.9-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, các quyết định, kế hoạch, chương trình công tác được đưa ra thảo luận trước tập thể CB, GV, NV trước khi ban hành, tổ chức thực hiện.

Trong 05 năm qua nhà trường không để xảy ra khiếu nại, tố cáo. Mọi phản ánh từ GV, NV, CMHS và HS đều được lãnh đạo nhà trường nghiêm túc tiếp thu, giải quyết thỏa đáng, không để tình trạng khiếu kiện vượt cấp.

Việc thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường đã góp phần tích cực vào việc xây dựng, giữ gìn sự đoàn kết và nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục duy trì tốt việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Hàng năm, lấy ý kiến góp ý của các cá nhân, tổ chức để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, nội quy, quy tắc phù hợp với tình hình hiện nay. Huy động trí tuệ tập thể trong xây dựng các quyết định, chương trình, kế hoạch tạo sự đồng thuận, nhất trí trước khi tổ chức thực hiện.

Đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định về báo cáo thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động giáo dục theo yêu cầu của ngành cấp trên.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-

Đạt	Đạt	-
-----	-----	---

Đạt: Mức 2***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học******Mức 1:***

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Nhà trường xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ; dịch bệnh; bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội [H1-1.1-02].

Xây dựng, ban hành nội quy bảo vệ cơ quan; có các Quy chế phối hợp giữa nhà trường với công an Thị trấn, Đội dân quân tự vệ trong việc đảm bảo, giữ gìn, xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự đặc biệt khi nhà trường tổ chức các sự kiện lớn. Tổ chức cho HS và CMHS ký cam kết về việc thực hiện tốt các quy định về an toàn giao thông; về bạo lực học đường; tệ nạn xã hội [H1-1.10-01].

Với việc đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường nhà trường phối hợp với công an Thị trấn, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề góp phần nâng cao công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

Nhà trường cũng thường xuyên quan tâm rà soát, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị, cơ sở vật chất dạy học môn thể dục như: sân chơi, bãi tập, dụng cụ đảm bảo an toàn khi sử dụng. Nhân viên y tế thường xuyên cập nhật hồ sơ theo

đổi tình hình sức khỏe cho học sinh HS, mua bổ sung thuốc, dụng cụ y tế dùng cho chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Nhà trường ban hành nội quy, phương án phòng cháy, chữa cháy; trang bị đầy đủ các bình chữa cháy, hệ thống bể nước; cử CB, GV, NV tham gia tập huấn với nội dung tuyên truyền kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy, kỹ năng sử dụng bình cứu hỏa mini [H1-1.10-03]. Ngoài ra, đơn vị cũng thường xuyên quan tâm và có các giải pháp cho công tác phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội khác.

b) Nhà trường lập hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh góp phần đảm bảo trật tự, an toàn, an ninh trường học.

c) Trong trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm Luật về bình đẳng giới.

Mức 2:

a) Tất cả CB, GV, NV và HS của trường được tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng, chống tai nạn thương tích; phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; bạo lực học đường... [H1-1.10-01].

b) Nhà trường thường xuyên theo dõi kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời [H1-1.10-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường quan tâm và có các biện pháp, phương án phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các tệ nạn xã hội cho HS và CB, GV, NV.

Công tác an ninh trật tự, an toàn vệ sinh, cảnh quan nhà trường được đảm bảo, tạo nên môi trường học tập an toàn, thân thiện làm cho CMHS sinh yên tâm khi HS đến trường.

3. Điểm yếu:

Việc tổ chức tập huấn cho tất cả GV và HS về nội dung tuyên truyền kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy, kỹ năng sử dụng bình cứu hỏa, đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai... chỉ mang tính thời điểm, trình diễn là chính, chưa được duy trì một cách có nền nếp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học đã đạt được.

Thường xuyên phối hợp với công an Huyện, công an Thị trấn tổ chức tập huấn với nội dung kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy, kỹ năng sử dụng bình cứu hỏa. Đơn vị cố gắng kiểm soát tốt việc sử dụng, đưa thông tin, hình ảnh lên mạng xã hội của học sinh; CB, GV, NV và có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả.

Sử dụng nguồn kinh phí hoạt động để tiếp tục lắp đặt thêm một số camera an ninh trong khuôn viên nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu, tổ chức bộ máy và thực hiện các hoạt động giáo dục theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Những điểm mạnh nổi bật của Chi bộ, các bộ phận, đoàn thể trong những năm qua là minh chứng cho chất lượng dạy học toàn diện luôn duy trì ổn định, bền vững. Lãnh đạo trường các tổ Chuyên môn, tổ Văn phòng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; quy chế dân chủ cơ sở, tình hình an ninh trật tự, an toàn trường học luôn được đảm bảo, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Những điểm yếu, hạn chế cơ bản của tiêu chuẩn là phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường dài hạn; xây dựng kế hoạch, tham mưu ngành cấp trên để có được nguồn tài chính đảm bảo chi cho hoạt động giáo dục hàng năm xứng tầm với một trường học thuộc trung tâm huyện lỵ.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10

Số tiêu chí đạt mức 1: 10/10

Số tiêu chí đạt mức 2: 10/10

Số tiêu chí đạt mức 3: 04/05

Số tiêu chí không đạt mức 3: 1/5

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Đội ngũ CB, GV, NV và HS là nguồn lực chủ yếu để thực hiện và quyết định chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Trường xác định công tác xây dựng đội ngũ là giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nhà trường. Việc xây dựng và nâng cao phẩm chất, năng lực đội ngũ

luôn được nhà trường quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, chú trọng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Số lượng, chất lượng, cơ cấu CB, GV, NV của nhà trường tương đối đảm bảo, hầu hết thầy cô đều có phẩm chất, năng lực; tâm huyết với nghề, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đào tạo, được bố trí công việc phù hợp giúp phát huy năng lực, sở trường của từng cá nhân.

Học sinh của trường đảm bảo về độ tuổi theo quy định; thực hiện nghiêm túc nội quy trường lớp. Chăm ngoan, biết vâng lời thầy cô, xác định đúng động cơ, thái độ học tập.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng của trường đều đạt chuẩn theo quy định [H2-2.1-02].
- b) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp. Cụ thể, 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức Khá theo quy định chuẩn nghề nghiệp [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Kết quả xếp loại viên chức các năm học do UBND Huyện đánh giá và Hiệu trưởng đánh giá: 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng được đánh giá đánh giá ở mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

- c) Hiệu Trưởng, các Phó Hiệu trưởng đã hoàn thành chứng chỉ quản lý giáo dục [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02];

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp đảm bảo có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức Khá trở lên theo quy định [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng đều được tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị. Cụ thể, đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng đều đã có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Mức 3:

Không đạt điều kiện: trong 05 năm qua Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng chỉ đạt chuẩn ở mức Khá, không có năm nào đạt chuẩn ở mức Tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt. Tâm huyết, trách nhiệm cao trong công tác, có tư duy đổi mới, sáng tạo, đảm bảo trình độ, đạt chuẩn theo quy định, lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu:

Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng chưa đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức Tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng cần tiếp tục không ngừng tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phấn đấu đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức Tốt trở lên.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt: Mức 2**Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên****Mức 1:**

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường cơ bản đảm bảo về số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Cụ thể, năm học 2022-2023 nhà trường có 59 GV với 31 lớp, đạt tỷ lệ 1,9 giáo viên/lớp; 2023-2024 có 61 giáo viên với 32 lớp, tỷ lệ 1,91 GV/lớp. Đội ngũ giáo viên cơ bản đủ về số lượng và cơ cấu, đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị [H2-2.2-01].

b) Nhà trường có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-02].

c) Đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Đạt trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp và tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo Đại học (ĐH) tăng dần. Số giáo viên có trình độ đào tạo ĐH đến thời điểm đánh giá là 53/60, tỉ lệ 88,33%; năm học 2023-2024 là 55/62, tỉ lệ 88,70%; trên ĐH 1/62, tỉ lệ 1,6%. Nhà trường có 100% GV được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% GV của trường được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên

theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Năm học 2022-2023: 100% GV đạt mức Khá trở lên [H2-2.2-03];

c) Hầu hết GV có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh. Trong 05 năm trở lại đây GV đã hướng dẫn cho học sinh nghiên cứu khoa học, đã có nhiều sản phẩm dự thi khoa học kỹ thuật cấp trường và chọn 02 sản phẩm dự thi cấp Huyện nhưng không đạt giải. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên, nhưng không đạt điều kiện: có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Tốt (*kết quả đạt 10/60, tỷ lệ 16,66%*) [H2-2.2-03];

b) Trong 05 năm liên tiếp và tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có giáo viên viết báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh:

Tỉ lệ giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ đào tạo khá cao (gần 90%). Cơ bản đủ về số lượng, GV tích cực tham gia viết sáng kiến, có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp...

3. Điểm yếu:

Việc điều động luân chuyển giáo viên hàng năm dẫn đến thừa thiếu của bộ ở một số bộ môn. Một số GV chưa tích cực tham gia các phong trào giáo viên dạy giỏi, viết sáng kiến. Bên cạnh vẫn còn một số ít GV hạn chế về sử dụng CNTT. Thiếu kinh nghiệm xử lý tình huống trong công tác chủ nhiệm lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tích cực tham mưu, đề xuất với Phòng Nội vụ Huyện điều chuyển giáo viên, nhân viên để đảm bảo về cơ cấu giáo viên theo bộ môn học, nhân viên theo vị trí việc làm. Đồng thời có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ. Quan tâm, tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường cơ bản đảm bảo số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023, hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Cụ thể, có 06 nhân viên đảm bảo các nhiệm vụ phục vụ cho hoạt động giảng dạy giáo dục trong đó: 01 nhân viên làm công tác kế toán; 01 nhân viên văn thư; 01 nhân viên y tế; 01 nhân viên thiết bị, thí nghiệm; 01 nhân viên thư viện; 01 nhân viên bảo vệ. Số lượng nhân viên của nhà trường đáp ứng các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01].

b) Nhân viên được phân công công việc phù hợp theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.2-01].

c) Nhân viên nhà trường hoàn thành các nhiệm vụ được giao, góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H2-2.3-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

a) Nhà trường cơ bản đảm bảo số lượng nhân viên theo quy định [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04]; [H1-1.2-02].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo chưa đáp ứng các vị trí việc làm, cụ thể: Nhân viên kế toán có bằng Đại học kế toán; nhân viên văn thư có bằng Trung cấp văn thư; nhân viên thiết bị, thí nghiệm có bằng Cao đẳng kế toán; nhân viên thư viện có bằng Trung cấp thư viện; nhân viên y tế có bằng Trung cấp văn thư

lưu trữ [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02]. Nhân viên bảo vệ (chưa qua đào tạo) được phổ biến nội quy, quy định bảo vệ đơn vị, được trang bị các dụng cụ hỗ trợ làm việc và được tham gia tập huấn phòng cháy, chữa cháy [H1-1.10-01].

b) Hằng năm, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ của nhà trường và ngành cấp trên [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường cơ bản có đủ nhân viên, được phân công công việc hợp với thực tế nhà trường, năng lực thực tế của mỗi người, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu:

Bảng cấp của một vài nhân viên chưa phù hợp với vị trí việc làm (nhân viên thiết bị, thí nghiệm có bằng Cao đẳng kế toán; nhân viên y tế có bằng Trung cấp văn thư lưu trữ).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và đổi mới giáo dục.

Tiếp tục bổ sung, trang bị các dụng cụ y tế, thư viện, thiết bị dạy học. Động viên nhân viên kiêm nhiệm tích cực học tập, tham gia các lớp tập huấn để nâng cao hiệu quả công việc. Tham mưu, đề xuất với các cấp có thẩm quyền liên quan, tổ chức các lớp bồi dưỡng để đảm bảo đạt chuẩn trình độ theo quy định

Tiếp tục kiến nghị với các cấp lãnh đạo, quan tâm và có chế độ đãi ngộ, phụ cấp đối với nhân viên, nâng dần mức thu nhập, ổn định đời sống.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2: Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3: Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Học sinh đảm bảo về độ tuổi theo quy định tại Điều 33, Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tuổi của học sinh vào học Lớp 6 đúng quy định (11 tuổi) [H2-2.4-01].

b) Đa số học sinh của trường biết vâng lời thầy giáo, cô giáo, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện. Thực hiện nghiêm nội quy trường lớp. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như: hoạt động bảo vệ môi trường, trồng cây xanh chăm sóc cây hoa, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, chia sẻ khó khăn. Giữ gìn, bảo vệ tài sản, góp phần xây dựng các giá trị văn hóa học đường [H1-1.5-03]; [H1-1.1-04].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều 35, Điều lệ trường trung học phổ thông; được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục; được bảo đảm những điều kiện về cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để sinh hoạt, học tập. Được cung cấp thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của mình; được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục thể thao. Được tôn trọng và bảo vệ; được đối xử bình đẳng, dân chủ; được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.1-04].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tới toàn thể học sinh ngay từ đầu mỗi năm học về nội quy trường lớp, các quy định học sinh phải thực hiện, những việc không được làm. Quan tâm chỉ đạo việc phối hợp giáo dục giữa GVCN lớp, giáo viên bộ môn, các đoàn thể trong nhà trường, CMHS [H1-1.1-04].

Mức 3:

Trong 05 năm qua học sinh của nhà trường duy trì tốt chất lượng, học tập, rèn luyện, một số em đạt thành tích cao trong các kỳ thi, hội thi, tích cực tham gia các hoạt động giúp bạn cùng tiến. Những học sinh có năng khiếu các môn văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, công tác Đội, được tạo cơ hội khẳng định bản thân qua các cuộc thi, sân chơi lành mạnh bổ ích. Quan tâm khen thưởng kịp thời, động viên các học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện [H2-2.4-02]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Hầu hết học sinh trong nhà trường đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định.

Đa số học sinh của trường chăm ngoan, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh, quy định về các hành vi học sinh không được làm và có kỹ năng phòng tránh các tệ nạn xã hội.

Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực trong thời gian qua.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn một số học sinh chưa thực hiện tốt nội quy trường lớp, thiếu sự quan tâm phối hợp giáo dục của gia đình, nên kết quả giáo dục rèn luyện có trường hợp chưa đạt như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Thường xuyên tuyên truyền giáo dục cho HS theo Điều 34, 36, 37 Điều lệ trường Phổ thông và các quy định của nhà trường. Kịp thời nhắc nhở, có biện pháp phù hợp đối với những vi phạm của học sinh, nghiêm khắc với các trường hợp vi phạm nhiều lần. Biểu dương, khen thưởng, kịp thời những HS thực hiện tốt các hoạt động Đội và phong trào thi đua.

Duy trì vai trò của GVCN lớp, GV TPT Đội, Ban nề nếp, đội cờ đỏ, lớp trực tuần trong việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, nhắc nhở những HS vi phạm nội quy, làm tốt công tác thi đua giữa các lớp.

Liên hệ kịp thời CMHS, người giám hộ khi học sinh gặp khó khăn. Chia sẻ, phối hợp, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, những học sinh chưa ngoan để các em có cơ hội phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Nhà trường có Hiệu trưởng các Phó Hiệu trưởng, GV, NV với cơ cấu khá phù hợp, cơ bản đáp ứng về số lượng, CB, GV đạt chuẩn nghề nghiệp. HS thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định. Hiệu trưởng được Chủ tịch UBND Huyện đánh giá viên chức ở mức Hoàn thành tốt nhiệm vụ; các Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng đánh giá viên chức ở mức hoàn thành Tốt nhiệm vụ.

Bên cạnh, vẫn còn một vài giáo viên, hạn chế về CNTT, chậm đổi mới. Cơ cấu nhân viên chưa đảm bảo với vị trí việc làm theo quy định.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 04

Số tiêu chí đạt mức 1: 04/04

Số tiêu chí đạt mức 2: 04/04

Số tiêu chí đạt mức 3: 01/ 04

Số tiêu chí không đạt mức 3: 03/04

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường THCS Ma Lâm có cơ sở vật chất khá khang trang phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Nhà trường có 24 phòng dùng để học tập, có các phòng học bộ môn: 01 phòng thực hành Lý, 01 phòng thực hành Hóa, 01 phòng thực hành Sinh, 02 phòng thực hành Tin học và 01 phòng nhạc. Phòng học kiên cố, có đầy đủ các phòng hỗ trợ học tập: Thư viện, Đoàn-Đội; phòng làm việc của lãnh đạo trường, công đoàn, kế toán, văn thư, y tế, thiết bị, phòng nghỉ của giáo viên. Cảnh quan nhà trường khá khang trang, xanh-sạch-đẹp đảm bảo các điều cho dạy học và các hoạt động khác. Trường có đủ nhà để xe cho giáo viên và học sinh, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đáp ứng đầy đủ. Hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo, đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. Thư viện nhà trường đạt chuẩn đáp ứng nhu cầu đọc, nghiên cứu, học tập của CB, GV, NV và HS. Trường có khá đầy đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy học theo Chương trình GDPT 2018.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2: Khu sân chơi bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục

Mức 3: Các trường nội thành nội thị có diện tích ít nhất 6 mét vuông trên học sinh các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10 mét vuông trên học sinh. Đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Trường THCS Ma Lâm được tái thành lập năm 2001 theo Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 13/8/2001 của Chủ tịch UBND Huyện với tổng diện tích là 18.000 m² [H3-3.1-01]. Nhà trường luôn quan tâm xây dựng cảnh quan trường lớp theo tiêu chí xanh-sạch- đẹp. Sân trường có cây xanh che phủ. HS

thường xuyên lao động chăm sóc bồn hoa, cây cảnh. Khuôn viên thoáng mát, môi trường học tập thân thiện, lành mạnh, an toàn.

b) Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường đúng quy định, có tường rào kiên cố bao quanh toàn bộ khu vực trường, có nhân viên bảo vệ trực bảo vệ hàng ngày.

c) Trường có sân chơi, bãi tập, có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục khác [H3-3.1-02];

Mức 2:

Nhà trường có sân chơi, rộng, thoáng mát, hệ thống cây xanh che phủ, lối đi được bố trí hợp lý, phù hợp để tổ chức các hoạt động ngoại khóa, chào cờ đầu tuần...[H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có diện tích hơn 13 m²/học sinh; có sân chơi bãi tập đạt trên 30% tổng diện tích sử dụng, có trang thiết bị tối thiểu để phục vụ việc luyện tập của học sinh theo quy định [H3-3.1-01]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Các quyết định giao mặt bằng của các hạng mục công trình xây dựng được lưu giữ đầy đủ. Nhà trường có khuôn viên xanh-sạch-đẹp, thoáng mát, có cổng trường, biển trường đúng quy định.

Diện tích mặt bằng của nhà trường tính theo đầu học sinh đạt 13 m²/học sinh cao hơn quy định của Bộ GD&ĐT.

3. Điểm yếu:

Điều kiện sân chơi, bãi tập vẫn còn thiết kế tạm thời, nên cũng gặp khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động luyện tập TDTT, vui chơi giải trí và sinh hoạt ngoại khóa. Nhà trường chưa được đầu tư xây dựng khu luyện tập TDTT riêng biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Ban lao động của trường phối hợp với Đội TNTP Hồ Chí Minh, GVCN lớp kịp thời phân công cụ thể khu vực trồng và chăm sóc hoa cho các lớp, bảo vệ các cây hiện đang phát triển và tăng cường trồng mới hàng năm. Công đoàn trường tổ chức cho các tổ trồng và chăm sóc hoa trước đây hành chính. Trong năm 2024 nhà trường được cấp trên phê duyệt dự án sửa chữa và xây mới một số hạng mục công trình như: Xây mới cổng và biển tên trường, sửa chữa các phòng học, nâng cấp sân trường, làm sân thể thao, nhà xe và thêm nhà vệ sinh học sinh.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt

b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3***Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập******Mức 1:***

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3: Các phòng học phòng bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ hoạt động cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt nếu có.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Nhà trường có 24 phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết (bảng từ), đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học hai ca trong một ngày [H1-1.1-04]; [H3-3.2-01]; [H3-3.1-02].

b) Khối phòng học bộ môn: có 06 phòng học bộ môn đang sử dụng gồm 01 phòng Lý, 01 phòng Hóa, 01 phòng Sinh, 01 phòng Tin học, 01 phòng học tiếng Anh và 01 phòng học Âm nhạc. Trong đó, 01 phòng Tin học được trang bị 20 máy tính. Trường có 13 tỉ vi được bố trí cho các dãy phòng học thông thường, phòng Tin học. Phòng thiết bị được sắp xếp khoa học có nhân viên được phân công phụ trách [H3-3.1-02];

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn-Đội, không gian sạch, đẹp. Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo quy định [H3-3.2-02];

Mức 2:

a) Phòng học được xây dựng kiên cố từ năm 2001. Hiện có 24 phòng học thông thường. Dãy phòng hành chính, quản trị đủ số lượng làm việc theo quy định [H3-3.1-02].

b) Khối phục vụ học tập gồm 06 phòng học bộ môn; các phòng thực hành cơ bản đáp ứng đủ đồ dùng thiết bị dạy học, có kho chứa thiết bị và là nơi chuẩn

bị dụng cụ thí nghiệm tối thiểu, đáp ứng yêu cầu hoạt động dạy học của nhà trường [H3-3.1-02]; [H1-1.1-04];

Mức 3:

Nhà trường có 24 phòng học thông thường và 06 phòng học bộ môn cơ bản đáp ứng đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Khối phòng học thông thường có đủ số phòng để học 2 ca trong một ngày, đảm bảo đúng quy cách theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Các khối phòng phục vụ học tập, phòng làm việc đáp ứng yêu cầu phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

Việc quản lý, sử dụng các khối phòng, các loại thiết bị văn phòng đạt hiệu quả, phát huy tối đa công năng.

3. Điểm yếu

Phòng học còn sử dụng một số bàn ghế có 04 học sinh/bàn (157 bộ), hiện đã xuống cấp; số bàn ghế học sinh tại các phòng học đã cũ. Trường chưa có Phòng Truyền thống riêng biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đề xuất với cấp có thẩm quyền kịp thời đầu tư xây dựng bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học). Kịp thời đề xuất bổ sung các thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018.

Trang bị thêm các đầu sách, bản sách giáo khoa, sách tham khảo. Phát động phong trào đọc sách, quyên góp sách truyện. Trang bị thêm Ti vi, đảm bảo mỗi phòng học đều có Ti vi để sử dụng khi cần.

Kiến nghị UBND Huyện, Ban quản lý dự án sớm xây dựng, sửa chữa các hạng mục công trình đã được phê duyệt như: cổng trường, đường đi nội bộ từ cổng vào trường, nhà xe, nhà vệ sinh học sinh, sân thể thao, nâng cấp sân trường và hệ thống thoát nước.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
a	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3***Tiêu chí 3.3: Khối hành chính-quản trị******Mức 1:***

a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*

b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) *Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.*

Mức 2: *Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.*

Mức 3: *Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.*

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Nhà trường có đầy đủ các phòng làm việc cho cán bộ quản lý và nhân viên, đáp ứng yêu cầu tối thiểu của hoạt động hành chính, quản trị: hiện có 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng Văn thư, 01 phòng kế toán, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng nghỉ dành cho giáo viên [H3-3.1-02].

b) Nhà trường có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

c) Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch mua sắm bổ sung, sửa chữa các thiết bị khối hành chính, quản trị đảm bảo các điều kiện tối thiểu để hoạt động [H3-3.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ các phòng khối hành chính, quản trị theo quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

Mức 3:

Khối hành chính, quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị tối thiểu được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-02].

2. Điểm mạnh:

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính, quản trị đáp ứng được yêu cầu cơ bản các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn thiếu một số phòng hoạt động chuyên môn (phòng họp của tổ bộ môn); khối hành chính quản trị xây dựng đã lâu, hiện nay có đầy hiệu xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục đề ra kế hoạch bổ sung thêm thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục của khối hành chính, quản trị từ nguồn ngân sách chi thường xuyên hàng năm của đơn vị.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp thoát nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có hai khu vệ sinh dành cho giáo viên trong khu hành chính, quản trị; 01 khu vệ sinh của HS gồm: 01 dãy phòng vệ sinh nam và một dãy phòng vệ sinh nữ được bố trí thuận tiện, đảm bảo điều kiện vệ sinh. Khu vệ sinh của GV và HS đáp ứng được các nhu cầu cần thiết khi sử dụng.

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo, nhà trường sử dụng hệ thống nước hợp vệ sinh. Tất cả CB, GV, NV và HS dùng nước khoáng đóng bình do nhà máy sản xuất nước tại xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc cung cấp [H3-3.4-01].

c) Nhà trường hợp đồng với đơn vị Công trình công cộng Huyện thu gom rác thải mỗi tuần 02 lần. Bố trí khu tập kết rác, các thùng đựng rác để ở vị trí thuận lợi khi thu gom [H3-3.4-02].

Mức 2:

a) Các khu vệ sinh luôn được cung cấp đầy đủ nước, ánh sáng, đảm bảo thuận tiện khi sử dụng. Nhà vệ sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan môi trường, thiết kế theo quy định [H3-3.1-02].

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có khu vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo điều kiện cho CB, GV, NV và HS trong quá trình dạy học, làm việc.

3. Điểm yếu:

Khu vệ sinh học sinh chưa đáp ứng nhu cầu về mật độ đi vệ sinh của học sinh; chưa có hệ thống thoát nước đảm bảo, cần sửa chữa khắc phục để thoát nước được nhanh hơn khi trời mưa to.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng;

Trường đang kiến nghị xây dựng thêm 01 nhà vệ sinh cho HS và hệ thống thoát nước đảm bảo thoát nước tốt trong mùa mưa.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2***Tiêu chí 3.5: Thiết bị******Mức 1:***

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3: Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường cơ bản đáp ứng được các thiết bị văn phòng và thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục khác [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01].

b) Hàng năm có kế hoạch mua bổ sung các thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, cùng với các thiết bị hiện có của nhà trường; thiết bị dạy học được sắp xếp khoa học tại các phòng học bộ môn, có kho chứa thiết bị [H3-3.2-01].

c) Định kỳ tổ chức kiểm kê CSVC theo quy định và có kế hoạch sửa chữa thiết bị hư hỏng, mua sắm bổ sung mới [H3-3.2-01]; [H3-3.5-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet; Wifi của trường được phủ sóng miễn phí toàn trường phục vụ khá tốt công tác quản lý, hoạt động dạy, học của giáo viên và học sinh [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

b) Nhà trường cơ bản có đủ thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học tối thiểu theo quy định. Có các biện pháp bảo quản, bảo trì, thanh lý thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học theo quy định [H3-3.2-01].

c) Hàng năm, ngoài các thiết bị được cấp, nhà trường đầu tư mua sắm và có kế hoạch bảo quản, tu sửa đồ dùng bị hỏng. Xây dựng nội quy quản lý, sử dụng đảm bảo đạt hiệu quả, phát huy hết công năng [H3-3.5-04].

Mức 3:

Phòng học bộ môn, các môn học có thí nghiệm, thực hành cơ bản đủ thiết bị để đảm bảo hoạt động. Thiết bị dạy học, thiết bị tự làm được khai thác, sử dụng tối đa, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp và nâng cao chất lượng dạy học [H3-3.5-04].

2. Điểm mạnh:

Thiết bị dạy học được trang bị tương đối đầy đủ, được sử dụng thường xuyên, đáp ứng yêu cầu cho việc tổ chức thí nghiệm, thực hành các môn học.

3. Điểm yếu:

Một số thiết bị chưa đảm bảo chất lượng, không đồng bộ, độ chính xác chưa cao nên giáo viên khó khăn khi làm các thí nghiệm, thực hành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục đề nghị cấp thẩm quyền tạo mọi điều kiện để nhà trường mua sắm thiết bị, hóa chất cho các phòng bộ môn đạt chuẩn theo quy định.

Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, quản lý, khai thác, sử dụng tối đa thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3***Tiêu chí 3.6: Thư viện******Mức 1:***

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2: Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3: Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Thư viện nhà trường được bố trí khá thuận lợi, có kho sách, phòng đọc của HS và GV. Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, các ấn phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động đọc, tra cứu và các hoạt động khác.

b) Thư viện sử dụng phân hệ trong phần mềm Misa để theo dõi việc mượn, trả sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo, các văn bản quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán CB, GV, NV và HS. Hằng năm, định kỳ tiến hành kiểm kê, rà soát hoạt động thư viện, thực hiện chấm điểm thi đua, lưu trữ hồ sơ, tổ chức thanh lý và đề xuất mua sắm mới theo yêu cầu [H3-3.2-02].

c) Công tác tổ chức kiểm kê, đầu sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập và tìm kiếm thông tin của CB, GV, NV

và HS duy trì có nền nếp. Việc mua sắm bổ sung hàng năm được thực hiện dựa trên đề xuất của các tổ chuyên môn và nhu cầu thực tế [H3-3.2-02].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường nhiều năm liên đạt danh hiệu: thư viện Tiên tiến [H3-3.2-02]; [H3-3.6-01].

Mức 3:

Thư viện đạt Thư viện trường học Tiên tiến, có máy tính được kết nối Internet (01 máy) đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB, GV, NV và HS [H3-3.5-03].

2. Điểm mạnh:

Thư viện Trường có điều kiện về CSVC khá đảm bảo, vị trí thuận lợi có phòng đọc dành cho GV và HS.

Thư viện có máy tính nối mạng (01 máy) để truy cập tìm kiếm thông tin. Hàng năm bổ sung các đầu sách, bản sách bằng kinh phí chi thường xuyên và hình thức quyên góp sách truyện theo kế hoạch.

Kịp thời cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo cho GV và HS góp phần phục vụ tốt bạn đọc.

3. Điểm yếu:

Số đầu sách tham khảo có trong thư viện chưa nhiều, chưa đa dạng. Việc tuyên truyền giới thiệu sách chưa thường xuyên, việc đọc tại chỗ của GV và HS còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tham mưu cấp trên có kế hoạch mua bổ sung thêm các loại sách, tài liệu tham khảo, sách pháp luật phù hợp nhu cầu học tập hiện nay. Thực hiện việc mượn, trả sách đúng quy định, tránh hư hỏng, thất thoát.

Thường xuyên tuyên truyền, giới thiệu sách, tài liệu mới bằng các hoạt động, hình thức phù hợp với đối tượng GV, HS, xây dựng mô hình thư viện xanh, thư viện di động.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Trường THCS Ma Lâm có khuôn viên riêng biệt, thoáng mát, cơ bản đảm bảo môi trường xanh-sạch-đẹp. Trường có đủ phòng học, bàn ghế GV, HS, bảng viết theo quy định. Thư viện đạt chuẩn, được xếp loại tiên tiến hàng năm.

Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện thường xuyên đã có tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Phong trào xây dựng nhà trường theo tiêu chí xanh-sạch-đẹp, an toàn luôn được chú trọng, những giải pháp cụ thể mang tính bền vững.

Tuy nhiên, việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các phòng chức năng (phục vụ học tập) chưa đầy đủ, đúng tiêu chuẩn quy định.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 06

Số tiêu chí đạt mức 1: 06/06

Số tiêu chí đạt mức 2: 06/06

Số tiêu chí đạt mức 3: 05/05

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Mối quan hệ giữa Nhà trường-Gia đình-Xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa ba môi trường giáo dục được chú trọng và duy trì. Mối quan hệ trên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế những ảnh hưởng, tác động xấu đến HS. Nhà trường luôn quan tâm coi trọng mối quan hệ với các cơ quan, ban ngành đoàn thể chính trị xã hội bên ngoài, tranh thủ sự ủng hộ về vật chất, tinh thần, duy trì việc giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn để thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục của đơn vị.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2: *Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3: *Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Ban đại diện CMHS Trường THCS Ma Lâm được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011). Ban đại diện CMHS của trường xây dựng kế hoạch, quy chế phối hợp, phương hướng hoạt động và thực hiện nhiệm vụ, trách nhiệm theo quy định. CMHS và Ban đại diện CMHS họp định kỳ vào đầu năm học, cuối Học kỳ I và cuối năm để nắm bắt tình hình, trao đổi, tư vấn các vấn đề có liên quan (khi cần có thể họp đột xuất) [H4-4.1-01].

b) BDD CMHS trường có kế hoạch hoạt động theo năm học. Nhà trường phối hợp cùng BDD CMHS tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục. GVCN lớp thường xuyên phối hợp với CMHS nhất là những em có hoàn cảnh khó khăn hoặc chưa ngoan trong học tập, rèn luyện. BDD CMHS trường thường xuyên phối hợp với nhà trường động viên, khen thưởng học sinh trong học tập, rèn luyện, trong các phong trào thi đua, các kỳ thi, hội thi, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H4-4.1-01].

c) BDD CMHS trường tổ hoạt động theo kế hoạch, tham gia tư vấn, góp ý kiến cho trường tại các phiên họp đầu năm, giữa kỳ, cuối năm học [H4-4.1-02].

Mức 2:

BDD CMHS trường đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phối hợp vận động HS ra lớp, giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.1-01].

Mức 3:

BDD CMHS đã phối hợp có hiệu quả trong việc thực hiện kế hoạch Giáo dục, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, qua các hoạt động hỗ trợ, vận động, tiếp nhận tài trợ, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng HS có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện [H4-4.1-01].

2. Điểm mạnh:

Trong những năm qua, BDD CMHS làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức, hạn chế HS bỏ học giữa chừng. Ngoài ra, còn hỗ trợ kinh phí để khích lệ tinh thần học tập, rèn luyện, trong các kỳ thi, hội thi, hoạt động ngoài giờ lên lớp...

3. Điểm yếu:

Công tác phối hợp giáo dục học sinh giữa gia đình và nhà trường có lúc, có nơi chưa thường xuyên, không đồng bộ, nên hiệu quả giáo dục chưa đạt như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Lãnh đạo nhà trường, GVCN các lớp tiếp tục chủ động duy trì công tác phối hợp giáo dục với BDD CMHS, tranh thủ sự hỗ trợ về vật chất, tinh thần góp phần thúc đẩy xã hội hóa, giúp nhà trường đạt hiệu quả, mục tiêu trong công tác giáo dục.

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3: Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tham mưu với Đảng ủy Thị trấn, chính quyền, các đoàn thể địa phương về các giải pháp để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HS; các giải pháp để duy trì chuẩn PCGD, XMC. Tham mưu về kế hoạch phát triển nhà trường; xây dựng câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; xây dựng môi trường giáo dục an toàn lành mạnh, thân thiện và xây dựng văn hóa học đường [H4-4.2-01].

b) Nhà trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về kế

hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức, kênh thông tin khác nhau (qua các cuộc họp CMHS, Zalo lớp chủ nhiệm, email, Vnedu và qua các phương tiện truyền thông khác) [H4-4.1-01].

c) Tiếp tục huy động huy động và sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Hàng năm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để khen thưởng HS học giỏi, HS có thành tích xuất sắc, hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn [H4-4.1-02];

Mức 2:

a) Tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Phòng GD&ĐT, cấp ủy Đảng, chính quyền thị trấn Ma Lâm tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược đề ra [H1-1.1-01].

b) Nhà trường phối hợp với các ban ngành, đoàn thể trong công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS; tham gia chăm sóc di tích lịch sử địa phương; công trình văn hóa; gia đình thương binh, liệt sĩ; gia đình có công với cách mạng; Bà mẹ Việt Nam anh hùng...[H1-1.3-02].

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, cụ thể: tổ chức các câu lạc bộ văn hóa thể dục thể thao phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, xây dựng văn hoá ứng xử, môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; phấn đấu trường học đạt chuẩn văn hóa hàng năm [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tham mưu với Đảng ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể ở Thị trấn về kế hoạch và các biện pháp nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất và hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật; khen thưởng HS học giỏi, HS có thành tích xuất sắc. Thường xuyên phối hợp lực lượng Công an Thị trấn trong công tác xây dựng trường học an toàn về an ninh trật tự.

3. Điểm yếu:

Công tác vận động, huy động quyên góp chưa thường xuyên, chưa thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ. Nguồn lực huy động trong CMHS, học sinh cũ thành đạt của trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Lãnh đạo trường tiếp tục tham mưu cho cấp trên có liên quan, phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội trong và ngoài địa phương để kịp thời nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, tạo môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh cho HS.

Tranh thủ các khoản tài trợ trong và ngoài nhà trường để có nguồn kinh phí khen thưởng HS, hỗ trợ HS nghèo, HS có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3**Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Trong thời gian qua, đơn vị thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; vận động hỗ trợ từ nhà hảo tâm, cựu học sinh. Chỉ đạo và phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục toàn diện HS. Quan tâm xây dựng các câu lạc bộ trong trường học, hoạt động ngoại khóa. Nhà trường thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chiến lược phát triển giáo dục đến CMHS nhằm tăng thêm sự phối hợp tuyên truyền về nhiệm vụ giáo dục của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 02**Số tiêu chí đạt mức 1: 02/02****Số tiêu chí đạt mức 2: 02/02****Số tiêu chí đạt mức 3: 02/02****Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục****Mở đầu:**

Nhà trường đã bám sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT để xây dựng, thực hiện tốt kế hoạch giáo dục. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá HS. Nâng cao chất lượng giáo dục, phát huy phẩm chất năng lực của người học. Duy trì các hoạt động dự giờ rút kinh nghiệm, các hội thi, hội giảng, viết sáng kiến, đề tài khoa học... Công tác chủ nhiệm lớp thường xuyên được quan tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giáo dục HS, biểu dương, khen thưởng kịp thời cho HS đạt thành tích trong học tập, rèn luyện. Giúp đỡ, động viên các HS chưa ngoan, HS có hoàn cảnh khó khăn, HS vượt khó vươn lên.

Các hoạt động ngoại khóa về văn nghệ, TDTT, sinh hoạt câu lạc bộ, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống được nhà trường tổ chức lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp các em có kỹ năng, có kinh nghiệm xử lý một số vấn đề trong cuộc sống hàng ngày.

Hàng năm chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt, tỷ lệ HS lên lớp thẳng, HS Xuất sắc, HS Giỏi, HS thi đỗ vào Lớp 10, HS đạt thành tích trong các kỳ hội khỏe Phù Đồng cấp huyện và cấp tỉnh đều duy trì ổn định và có chiều hướng ngày càng phát triển.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3: Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định của các chương trình giáo dục hiện hành. Ngay từ đầu các năm học Hiệu trưởng chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng bám sát các mục tiêu giáo dục. Căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện [H5-5.1-01].

b) Giáo viên xây dựng nội dung chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất HS, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các tiết dạy, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Tăng cường bồi dưỡng cho HS về phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

c) Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra và phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, thực hiện đánh giá thường xuyên đối với HS: đánh giá ý thức học tập trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình kết

quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề định theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận/trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Nội dung kiểm tra yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường các câu hỏi mở, gắn với thực tế đối với các môn khoa học xã hội để HS được bày tỏ chính kiến của mình [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Từ năm học 2018-2019 và những năm học tiếp theo, nhà trường tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học theo Chương trình GDPT 2018 và xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất của người học. Cho đến nay việc áp dụng Chương trình GDPT 2018 ở tất cả các môn học tất cả các khối lớp (trừ Khối 9) được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Bộ phận chuyên môn của trường thường xuyên quan tâm chỉ đạo việc rà soát sắp xếp các chủ đề dạy học. Việc thực hiện các mục tiêu giáo dục phải đảm bảo quan điểm chỉ đạo, hướng của ngành cấp trên [H5-5.1-01].

b) Những năm qua nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng HS có năng khiếu về văn nghệ, TDTT, học sinh giỏi các môn văn hóa. Kết quả công tác bồi dưỡng HS các môn văn hóa, văn nghệ, TDTT được duy trì ổn định, khả quan [H5-5.1-01]; [H1-1.8-01].

Mức 3:

Về chuyên môn, định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của mỗi giáo viên; đánh giá về chất lượng xây dựng kế hoạch giáo dục đổi mới theo chỉ đạo, hướng dẫn của ngành cấp trên, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có điều kiện tổ chức dạy đủ các môn học theo quy định, sắp xếp, tinh giản nội dung dạy học, cập nhật, bổ sung thông tin mới phù hợp, thay thế thông tin cũ lạc hậu; xây dựng chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất người học.

Giáo viên vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực vào các bài giảng, tổ chức hoạt động dạy học tích cực đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường; tăng cường bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc trưng yêu cầu của bộ môn, qua kiểm tra, đánh giá giúp thầy cô điều chỉnh phương pháp, thúc đẩy quá trình dạy học mang lại chất lượng, hiệu quả.

Bên cạnh đó, công tác bồi dưỡng HS giỏi các môn văn hóa, văn nghệ, TDTT cũng được nhà trường quan tâm, đầu tư. Ngoài ra, nhà trường còn chỉ đạo rà soát xây dựng kế hoạch giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập, thông qua phong trào: Mỗi nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục giúp đỡ một học sinh có hoàn cảnh khó khăn; Chương trình: Tiếp bước cho em đến trường; Chương trình: San sẻ ước mơ xuân... hàng năm.

3. Điểm yếu:

Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa, văn nghệ, TDTT còn mang tính phong trào, thời điểm, chưa được thực hiện một cách có nền nếp, bền vững.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2018-2019 tiếp tục điều chỉnh việc xây dựng chương trình giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Trên tinh thần kế thừa chương trình những năm học trước, lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng với chủ đề đó để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; từ đó, xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Trong đó, chú trọng các hoạt động giáo dục trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống. Tham quan, học tập các trường có cùng điều kiện về công tác bồi dưỡng HS giỏi các môn văn hóa, văn nghệ, TDTT để đạt được kết quả tốt hơn.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2: Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3: Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Đầu mỗi năm học nhà trường rà soát lập danh sách HS có hoàn cảnh khó khăn như con hộ nghèo, hộ cận nghèo, HS hoàn cảnh đặc biệt khác. Cập nhật thông tin những HS có năng khiếu về văn nghệ, TDTT..., để từ đó đề ra giải pháp, kế hoạch giúp đỡ, bồi dưỡng kịp thời [H1-1.1-04]; [H5-5.2-01].

b) Nhà trường chỉ đạo các GVCN lớp tiến hành nắm chắc từng đối tượng HS trong lớp mình ngay từ đầu năm học, trong đó HS có hoàn cảnh khó khăn, học lực yếu được quan tâm giúp đỡ về vật chất và tinh thần. HS có năng khiếu môn thể thao được giáo viên môn thể dục bồi dưỡng, HS giỏi văn hóa được bố trí bồi dưỡng theo sự phân công của chuyên môn trường. Đồng thời, kêu gọi vận động hỗ trợ từ các nguồn xã hội hóa khác nhau góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục đề ra [H1-1.1-04]; [H5-5.2-02].

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá hoạt động giáo dục đối với HS có hoàn cảnh khó khăn, học sinh năng khiếu trong các đội tuyển HS giỏi văn hóa, văn nghệ, TDTT và trong các hoạt động phong trào khác [H1-1.1-04].

Mức 2:

Việc phát hiện, giúp đỡ, bồi dưỡng HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H1-1.1-04]; [H5-5.2-01].

Mức 3:

Trong những năm gần đây, nhà trường luôn chú trọng trong công tác bố trí các giáo viên có năng lực, kinh nghiệm chọn bồi dưỡng học sinh từ Lớp 7 đến Lớp 9 nên nhiều năm nhà trường đều có HS giỏi về các môn văn hóa, văn nghệ, TDTT cấp huyện, cấp tỉnh; [H1-1.1-04]; [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn quan tâm đến các đối tượng HS và tạo điều kiện để các em có cơ hội phát triển năng lực bản thân, vượt qua hoàn cảnh. Xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp tổ chức bồi dưỡng, giúp đỡ nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất. Chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng nên nhiều năm trở lại đây đội tuyển HS giỏi, HS năng khiếu đạt nhiều giải cao cấp huyện, cấp tỉnh.

3. Điểm yếu:

Công tác phối hợp giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, bồi dưỡng HS giỏi có lúc chưa thường xuyên, nhất là trong thời gian diễn ra dịch bệnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Duy trì phát huy những kết quả giáo dục HS. Trong những năm qua, Lãnh đạo trường đã xây dựng Kế hoạch thực hiện, chú ý phân công trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận và chỉ tiêu cụ thể khi tổ chức giáo dục học sinh. Nhà trường trang bị đủ các thiết bị cho tập luyện các môn TDTT như: cầu lông, điền kinh, bóng bàn... công tác bồi dưỡng HS giỏi được bố trí đảm bảo về thời gian. Kịp thời động viên khen thưởng học sinh và giáo viên có thành tích trong bồi dưỡng HS giỏi, văn nghệ, TDTT...

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2: Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo hướng dẫn Sở GD&ĐT, chỉ đạo nhóm chuyên môn xây dựng các vấn đề trọng tâm theo chương trình giáo dục địa phương thành kế hoạch dạy học, tạo động lực học tập cho HS thông qua các môn học như: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý [H5-5.3-01]; [H1-1.8-01].

b) Nhà trường sử dụng tài liệu giáo dục địa phương của các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý do Sở GD&ĐT biên soạn và phát hành trong chương trình giáo dục địa phương. Qua đó, giúp HS hiểu biết thêm về văn hóa, lịch sử, kinh tế-xã hội, quê hương, đất nước, khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của người dân Bình Thuận [H1-1.8-01]; [H5-5.3-01].

c) Đầu mỗi năm học, khi xây dựng chương trình giáo dục, nhà trường đã chỉ đạo các nhóm chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật điều chỉnh sát với tài liệu và tình hình thực tế của địa phương trước khi triển khai thực hiện [H5-5.3-01]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương đã góp phần thực hiện mục tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn. Trong kế hoạch giảng dạy, ngoài việc liên hệ với thực tiễn hoạt động kinh tế-xã hội, văn hoá, lịch sử địa phương; nội dung các bài dạy đảm bảo ở các phần như:

Giảng dạy các tiết học (bài, môđun, chủ đề...) đã quy định dành cho giáo dục địa phương;

Đưa nội dung giáo dục địa phương thành một phần của tiết học (bài, môđun, chủ đề...) [H5-5.3-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường chỉ đạo GV thực hiện đầy đủ, có hiệu quả nội dung giáo dục địa phương, kiểm tra đánh giá nội dung giáo dục địa phương đúng quy định.

Thực hiện nghiêm túc nội dung rà soát, đánh giá chương trình giáo dục địa phương vào cuối kỳ và đầu mỗi năm học.

3. Điểm yếu:

Một số GV việc cập nhật thông tin của địa phương để bổ sung, thay thế cho những nội dung đã cũ trong tài liệu còn chậm, các hình thức kiểm tra đánh giá còn chưa phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Lãnh đạo nhà trường tiếp tục quan tâm chỉ đạo thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương đối với các môn học theo qui định.

Bổ trí thời gian, đầu tư kinh phí để các tổ nhóm chuyên môn sưu tầm tài liệu giáo dục địa phương, phục vụ cho các tiết dạy đạt hiệu quả giáo dục truyền thống cao. Hàng năm cập nhật kịp thời tài liệu giáo dục địa phương của cấp trên ban hành, tham khảo và khai thác các nội dung về giáo dục địa phương thông qua sách, báo và trang tin địa phương.

Khuyến khích GV và HS sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ để nâng cao hiệu quả trong hoạt động dạy học.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-

Đạt	Đạt	-
-----	-----	---

Đạt: Mức 2***Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp******Mức 1:***

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo từng tháng gắn liền với các chủ đề trong các năm học từ 2018-2019 đến nay. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục hướng nghiệp cho HS theo từng năm học, trong đó chú trọng đến các em HS Khối 9 nhằm định hướng nghề nghiệp khi học hết chương trình THCS [H5-5.4-01].

b) Trong 05 năm qua, nhà trường thực hiện hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo. Năm học 2023-2024 nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm đối với HS, trong đó đa dạng các hình thức trải nghiệm (tham quan Khu di tích của tỉnh uỷ Bình Thuận trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước) [H1-1.1-04] [H5-5.4-01].

c) Trong các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhà trường phân công GV, NV tham gia phụ trách nội dung các hoạt động được tổ chức trong phạm vi của lớp. Riêng công tác giáo dục hướng nghiệp Lớp 9 trong thời gian qua nhà trường phân công cho một GV/Cán bộ quản lý phụ trách [H1-1.1-04]; [H5-5.4-02].

Mức 2:

a) Nhà trường chỉ đạo các bộ phận tổ chức trong đó đa dạng hình thức trải nghiệm, hướng nghiệp: phạm vi trong giờ học với các tiết thực hành, thí nghiệm khám phá tìm tòi phát hiện kiến thức; tổ chức cho HS tham gia các hoạt động ngoại khóa, tham quan di tích văn hóa, lịch sử địa phương.

b) Sau mỗi đợt tổ chức nhà trường đánh giá kết quả, đúc kết kinh nghiệm, đề ra giải pháp cho năm học tiếp theo [H1-1.1-04] [H5-5.4-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi để HS được trải nghiệm, tham gia các hoạt động hướng nghiệp; tổ chức phân luồng HS sau TN THCS, tham gia học nghề tại các trường cao đẳng, trung cấp trong Tỉnh.

3. Điểm yếu:

Hoạt động trải nghiệm cho học sinh vẫn hạn chế về nội dung và hình thức, một số học sinh thiếu kỹ năng, chưa tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm.

Các hoạt động trải nghiệm cần kinh phí và phải có sản phẩm kèm theo, đó cũng là những khó khăn cho HS và nhà trường trong điều kiện nay.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp gắn liền với các môn học, mỗi môn học tổ chức các tiết trải nghiệm để tìm tòi phát hiện kiến thức cũng như vận dụng củng cố kiến thức đã học trên lớp, sử dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống gắn với các hoạt động ngoại khóa của nhà trường.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		-	

Đạt: Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3: *Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Lãnh đạo trường kiểm tra và duyệt kế hoạch giáo dục kỹ năng sống từng năm học. Trong đó, yêu cầu đa dạng hình thức giáo dục kỹ năng sống từ việc xây dựng kế hoạch bài dạy, đến tổ chức các hoạt động tập thể phù hợp với năng lực của HS, điều kiện nhà trường và địa phương [H5-5.5-01].

b) Hoạt động giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường tổ chức thông qua các tình huống cụ thể, tổ chức lồng ghép trong các môn học, hoạt động tập thể và các hoạt động trải nghiệm như: giáo dục HS ý thức chấp hành an giao thông, cách phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống ma túy, bạo lực học đường qua các môn học lồng ghép, tích hợp. Chú trọng các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp cần thiết cho HS; kỹ năng ứng xử, biết kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm.

c) Nhà trường chú trọng công tác giáo dục đạo đức, lối sống của HS. Từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam; các nội dung giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống nói chung phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi, có tác động tích cực tới việc hình thành nhân cách học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá, trong đó kiểm tra định kỳ, thường xuyên, hình thức tự luận, trắc nghiệm, qua đó HS biết nhận xét đánh giá kết quả học tập [H1-1.5-03]; [H5-5.5-02].

b) Học sinh đã từng bước vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn bao gồm việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề thuộc về nhận thức và việc vận dụng kiến thức vào trong đời sống, sản xuất, sinh hoạt hàng ngày.

Mức 3:

Hằng năm nhà trường phát động phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh toàn trường (qua các cuộc thi). Trên cơ sở hướng dẫn của GV, HS hoàn thành sản phẩm tham gia dự thi cấp huyện, cấp tỉnh, trong đó năm học 2019-2020 có 01 sản phẩm đạt giải Ba cấp tỉnh.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. HS được giáo dục và hình thành các kỹ năng cơ bản về nhân cách sống, giá trị sống.

3. Điểm yếu:

Tài liệu giáo dục kỹ năng sống cho HS còn hạn chế, giáo viên chưa được tập huấn thường xuyên nên việc dạy lồng ghép kỹ năng sống vào các môn học có lúc còn hạn chế.

Phong trào nghiên cứu khoa học có triển khai nhưng số lượng HS tham gia rất ít vì nhiều lý do khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường duy trì các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể cho HS; rèn luyện các kỹ năng cơ bản nhất để học sinh có thể thực hành, vận dụng vào cuộc sống sau này.

Tiếp tục phối kết hợp chặt chẽ với CMHS, các lực lượng xã hội, để tuyên truyền giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Thường xuyên, kiên trì hướng dẫn, giáo dục để học sinh tự giác tìm tòi ý tưởng, sáng tạo từ đó chọn lựa những dự án khả thi, kêu gọi sự hỗ trợ từ các nhà hảo tâm, BDD CMHS để có kinh phí hoàn thành dự án.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt: Mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xác định rõ nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ cốt lõi, đóng vai trò then chốt để tạo dựng thương hiệu. Việc chú trọng xây dựng kế hoạch giáo dục qua từng năm học, và các chỉ tiêu cần đạt là nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho nhà trường, các mục tiêu cụ thể gồm:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm HS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.1-04]; [H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch năm học đề ra [H1-1.1-04]; [H5-5.6-01].

c) Công tác phân luồng HS được nhà trường quan tâm, hằng năm học sinh Khối 9 được tư vấn, hướng nghiệp nghề trước khi dự thi Lớp 10 [H5-5.6-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm trở lại đây, chất lượng nhà trường có chuyển biến tích cực trong đó tỷ lệ HS đạt loại khá, giỏi ổn định và có chiều hướng tăng dần theo từng năm học, tỷ lệ học sinh xếp học lực loại yếu giảm. Nền nếp, kỷ luật của HS đã được cải thiện rõ rệt so với trước, tỷ lệ HS đạt hạnh kiểm, rèn luyện tốt cũng duy trì [H1-1.1-04]; [H5-5.6-01].

b) Cùng với những kết quả đạt được về học lực, hạnh kiểm, rèn luyện. Trong những năm gần đây tỷ lệ HS trúng tuyển vào Lớp 10 được duy trì khá ổn định, học sinh lưu ban, bỏ học giữa chừng giảm, qua đó tạo được niềm tin trong

CMHS và nhân dân của địa phương [H1-1.1-04]; [H1-1.5-02]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh 5 năm

Thống kê về học lực:

Năm học/xếp loại (tỉ lệ)	Năm học 2018-201 9	Năm học 2019-202 0	Năm học 2020-202 1	Năm học 2021-202 2	Năm học 2022-202 3
Học sinh xếp loại học lực giỏi	20,20%	24,03%	23,58%	39,86%	28,048%
Học sinh xếp loại học lực khá	28,58%	29,52%	32,92%	32,42%	30,67%
Học lực TB trở lên	98,79%	99,25%	99,20%	99,55%	99,65%

Thống kê về hạnh kiểm:

Năm học/xếp loại (tỉ lệ)	Năm học 2018-201 9	Năm học 2019-202 0	Năm học 2020-202 1	Năm học 2021-202 2	Năm học 2022-202 3
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	44,79%	47,68%	46,89%	49,95%	46,55%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	41,53%	40,68%	39,59%	38,27%	43,48%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	13,69%	11,64%	13,52%	11,78%	10,07%

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Năm học	Năm học 2018-201 9	Năm học 2019-202 0	Năm học 2020-202 1	Năm học 2021-202 2	Năm học 2022-202 3
Học sinh bỏ học	5/1099- 0,45%	7/1058- 0,60%	7/1188- 0,58%	5/1146- 0,43%	2/1163- 0,17%
Học sinh lưu ban	13/1074- 1,21%	8/1057- 0,75%	9/1124- 0,80%	5/1095- 0,45%	4/1141- 0,35%

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn chú trọng và có nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực để nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng HS giỏi và tỷ lệ tuyển sinh vào Lớp 10 hàng năm;

Hạnh kiểm, rèn luyện, học lực, tỷ lệ HS lên lớp, kết quả tuyển sinh Lớp 10 có chuyển biến tích cực, duy trì ổn định.

3. Điểm yếu:

Trường vẫn còn một vài học sinh xếp loại học lực yếu, kém. Trong 05 năm vừa qua vẫn có học sinh bỏ học giữa chừng, chuyển sang lớp học PCGD vì nhiều lý do khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục chỉ đạo việc cải tiến chất lượng. Chú trọng việc phân công chuyên môn phù hợp với năng lực, gắn với chức trách nhiệm vụ được giao của từng cá nhân.

Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các tổ trưởng Chuyên môn tiếp tục chỉ đạo giáo viên thường xuyên, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đặc trưng môn học, đặc điểm lứa tuổi, đối tượng HS, bồi dưỡng ý thức tự học, tự nghiên cứu trong HS. Sử dụng hợp lý sách giáo khoa, thiết bị dạy học và ứng dụng hợp lý CNTT vào bài giảng.

Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc việc dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực HS, theo chuẩn kiến thức kỹ năng; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động bồi dưỡng học HS và phụ đạo HS.

Quan tâm đến HS gặp khó khăn trong học tập, hỗ trợ, giúp đỡ HS yếu, HS hoàn cảnh khó khăn.

Xây dựng mối liên hệ phối hợp thường xuyên giữa nhà trường với CMHS để có biện pháp giáo dục học sinh kịp thời, hiệu quả.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt: Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Qua đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục, nhà trường tự nhận xét có những ưu điểm và hạn chế cơ bản sau:

Chương trình, kế hoạch giáo dục được xây dựng triển khai đúng chỉ đạo, hướng dẫn của ngành cấp trên, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường.

Kết quả chất lượng giáo dục hàng năm của nhà trường đều ổn định, đạt và vượt chỉ tiêu theo kế hoạch. Cán bộ quản lý thường xuyên theo dõi, kiểm tra đôn đốc, hỗ trợ trong các hoạt động giảng dạy, học tập của GV, HS.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, mục tiêu là giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hiện nay.

Nhà trường chủ động rà soát các tiêu chí giáo dục, đánh giá các điều kiện tác động hiện nay. Đề ra giải pháp hiệu quả, giữ ổn định, bền vững chất lượng giáo dục toàn diện của đơn vị.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 5: 06

Số tiêu chí đạt mức 1: 06/06

Số tiêu chí đạt mức 2: 06/06

Số tiêu chí đạt mức 3: 03/04

C. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

1. Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch Giáo dục, hướng dẫn HS tham gia các hoạt động giáo dục toàn diện, hướng dẫn HS nghiên cứu tham gia cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên, tổ chức dạy tin học, hướng dẫn ứng dụng CNTT vào học tập; Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Mục đích của chương trình giáo dục tiên tiến là nâng cao nhận thức người học đáp ứng nhu cầu học tập của HS và yêu cầu của xã hội; tiếp cận nền giáo dục ở các nước trong khu vực và quốc tế nhưng vẫn bảo đảm mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam.

1.2. Điểm mạnh:

Duy trì ổn định, có tính bền vững chất lượng giáo dục toàn diện của HS trong 05 năm qua.

1.3. Điểm yếu:

Chưa có kế hoạch giáo dục mang tầm cao hơn với những nội dung tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định.

1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường sẽ nghiên cứu chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực, vận dụng phù hợp vào điều kiện nhà trường và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện tốt các mục tiêu phát triển giáo dục ở những năm tiếp theo để đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế.

1.5. Tự đánh giá: Không đạt

2. Tiêu chí 2: *Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.*

2.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường thường xuyên quan tâm, giúp đỡ cho HS có hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các em được hoàn thành ước mơ là được đi học và học hết chương trình cấp học theo quy định; thông qua việc cấp học bổng từ nguồn vận động của các thầy cô và các nhà tài trợ, có năm kinh phí vận động đạt khoảng 200.000.000 đồng. Thực hiện đầy đủ các chế độ miễn giảm học phí theo quy định, tạo điều kiện để HS đến trường.

2.2. Điểm mạnh:

Được sự quan tâm của nhà trường, gia đình và xã hội. Các em HS có hoàn cảnh khó khăn được học tập, hỗ trợ chi phí học tập, nhận học bổng từ hội Khuyến học Huyện, hội Khuyến học Thị trấn, chi hội Khuyến học của trường. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, sinh hoạt câu lạc bộ..., môi trường giáo dục thân thiện, gần gũi.

2.3. Điểm yếu:

Nguồn kinh phí vận động hỗ trợ HS hàng năm không ổn định. Việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa chưa thường xuyên do phụ thuộc khá nhiều yếu tố, trong đó có nguồn kinh phí, thời gian...

2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục phối hợp với các tổ chức, cá nhân tạo điều kiện giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng HS đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện, trong các kỳ thi, hội thi. Tăng cường công tác tham mưu cho các cấp lãnh đạo đầu tư CSVC, con người, kinh phí để đơn vị xứng tầm với một trường THCS thuộc địa bàn thị trấn, trung tâm huyện lỵ.

2.5. Tự đánh giá: Không đạt

3. Tiêu chí 3: *Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ vận dụng kiến thức các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.*

3.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có HS tham gia cuộc thi sáng kĩ thuật. Việc nghiên cứu khoa học, sáng tạo các phần mềm CNTT trong nhà trường chưa thật sự phát triển, một

số ít thầy cô và các em chưa tự tin trong việc ứng dụng CNTT vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

3.2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT để đổi mới phương pháp dạy học (chuyển đổi số) trong đội ngũ giáo viên và HS, định kỳ có sơ kết hoạt động rút kinh nghiệm.

Đơn vị luôn tạo điều kiện cho giáo viên hỗ trợ HS tham gia nghiên cứu các mô hình sáng tạo kỹ thuật tham gia dự thi cấp tỉnh, có năm đạt giải thưởng; chú trọng việc vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn giáo dục.

3.3. Điểm yếu:

Việc ứng dụng CNTT của một số ít thầy cô vào giảng dạy cũng còn hạn chế bởi nhiều lý do. Vẫn còn một số ít các em chưa thật sự tự tin, chủ động trong các tiết học, thực hành môn Tin học.

3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, sửa lại các máy chiếu, bổ sung Tivi, trang bị máy tính đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, ứng dụng CNTT vào các hoạt động dạy và học.

Động viên, khuyến khích GV, HS tham gia các kỳ thi, hội thi và kịp thời biểu dương, khen thưởng xứng đáng cho các thành tích đạt được.

3.5. Tự đánh giá: Không đạt

4. Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường, có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

4.1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện được trang bị máy vi tính có kết nối mạng internet giúp GV, HS tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc học tập. Nhân viên thư viện chưa quen nghiệp vụ về phát triển nguồn tư liệu điện tử, phục vụ yêu cầu tham khảo của GV, HS.

4.2. Điểm mạnh:

Phòng thư viện được cải tạo khang trang, sạch sẽ, trang trí bắt mắt, đẹp, cơ sở vật chất đảm bảo đủ điều kiện cho học sinh đọc sách.

Xây dựng thư viện đạt chuẩn thư viện Tiên tiến, hàng năm đều có bổ sung đầu sách, bảng sách sách, truyện cho GV và HS

4.3. Điểm yếu:

Thư viện chưa có cơ sở hạ tầng thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực.

4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Có kế hoạch bố trí lại hoặc tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên thư viện trong những năm đến. Tham mưu với các cấp đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet tốc độ cao, đủ máy vi tính đáp ứng yêu cầu phục vụ bạn đọc, có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động.

4.5. Tự đánh giá: Không đạt

5. Tiêu chí 5: *Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

5.1. Mô tả hiện trạng:

Từ năm học 2018-2019 sau khi được công nhận trường học duy trì đạt chuẩn Quốc gia (Lần 2, Tháng 11/2018), nhà trường tập trung phấn đấu hoàn thành tất cả các mục tiêu đề ra, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Quy mô phát triển trường lớp đảm bảo; hiệu quả giáo dục được nâng cao. Tuy vậy, chiến lược phát triển của nhà trường chưa được sự quan tâm đúng mức, kinh phí hỗ trợ từ phụ huynh và xã hội hóa còn gặp khó khăn.

5.2. Điểm mạnh:

Nhà trường chú trọng xây dựng kế hoạch giáo dục sát với thực tế, phù hợp với mục tiêu giáo dục của cấp học, tình hình cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường và phù hợp định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

5.3. Điểm yếu:

Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường chưa được các cấp thẩm quyền phê duyệt, vẫn còn nhiều CMHS thiếu quan tâm phối hợp giáo dục của con em mình.

5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tăng cường công tác phối hợp, tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ của các ban ngành, đoàn thể, đại diện cha mẹ học sinh. Đề ra giải pháp thiết thực, hiệu quả để thúc đẩy sự phát triển, hoàn thành mục tiêu phương hướng, chiến lược giáo dục trong thời gian tới.

5.5. Tự đánh giá: Không đạt.

6. Tiêu chí 6: *Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.*

6.1. Mô tả hiện trạng:

Kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường đạt so với các trường có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng (hiệu quả giáo dục); kết quả giáo dục và các hoạt động giáo dục của nhà trường có những thành tích đáng tự hào:

- Năm học 2018-2019 trường có 13 học sinh giỏi cấp tỉnh, 01 học sinh đạt giải quốc gia; nhiều HS đạt nhiều huy chương tại HKPD cấp tỉnh năm học 2022-2023 (14 huy chương).

- Chất lượng thi tuyển sinh Lớp 10 trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá có 02 năm chất lượng thi tuyển có tỷ lệ cao (năm học 2022-2023, 2023-2024), nhiều HS thi đỗ vào trường THPT chuyên Trần Hưng Đạo [H1-1.1-04].

6.2. Điểm mạnh:

Kết quả hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường luôn đạt cao về tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp trung học cơ sở. Ngoài ra, trường có nhiều em đạt học sinh giỏi huyện, cấp tỉnh, quốc gia. Số lượng HS bỏ học ngày càng giảm, đáp ứng được mục tiêu chương trình giáo dục hiện hành. Nhà trường đạt được nhiều thành tích ở các hội thi văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội khỏe Phù Đổng cấp huyện và cấp tỉnh.

6.3. Điểm yếu:

Chất lượng thi tuyển sinh Lớp 10 còn thiếu tính ổn định, bền vững. Kết quả phong trào HS giỏi, HS năng khiếu có năm chưa đạt như mong muốn.

6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tăng cường công tác phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để giáo dục học sinh; tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi, đầu tư về tài chính cho các em HS giỏi, HS năng khiếu phát huy hết khả năng bản thân, nỗ lực học tập và rèn luyện.

6.5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận mức 4:

Tiếp tục đổi mới, duy trì công tác xã hội hoá giáo dục. Kịp thời quan tâm các em HS có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ chi phí học tập, nhận học bổng của hội Khuyến học Huyện, chi hội Khuyến học trường, duy trì chương trình san sẻ ước mơ xuân. Tạo mọi điều kiện để HS phát triển năng khiếu qua các cuộc thi do các cấp tổ chức. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động câu lạc bộ, ngoại khóa...

Nhà trường xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT (chuyển đổi số) để đổi mới phương pháp dạy học trong đội ngũ GV, định kỳ có sơ kết hoạt động rút kinh nghiệm; tạo điều kiện cho GV hỗ trợ HS tham gia nghiên cứu các mô hình sáng tạo kỹ thuật dự thi cấp tỉnh; chú trọng việc vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn giáo dục.

Thư viện đạt chuẩn “Thư viện Tiên tiến”, hàng năm đều có bổ sung sách, truyện cho HS, bổ sung sách giáo khoa, sách tham khảo, sách nghiệp vụ cho GV, HS.

Nhà trường có kế hoạch giáo dục sát với mục tiêu Chương trình GDPT 2018 và tình hình cơ sở vật chất, tài chính được phân bổ hàng năm; xây dựng chiến lược phát triển nhà trường theo hướng hiện đại, chú trọng đổi mới căn bản

toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 1/6

Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 5/6

Tự đánh giá: Không đạt

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Đối chiếu với các kết quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong 05 năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường trung học quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự đánh giá trường THCS Ma Lâm đã đạt được kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

Tổng các tiêu chí đạt mức 1: 28/28, Đạt 100%

Tổng các tiêu chí đạt mức 2: 28/28, Đạt 100%

Tổng các tiêu chí đạt mức 3: 15/20, Đạt 75%

Số tiêu chí không đạt mức 3: 5/20, Đạt 25%

Số tiêu chí đạt mức 4: 1/6, Đạt 16,66%

Cấp độ đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được: Cấp độ 2 (Mức 2).

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo, Hội đồng tự đánh giá Trường THCS Ma Lâm tự đánh giá trường đạt Mức 2. Trường THCS Ma Lâm đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và công nhận duy trì chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

Ma Lâm, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Huyện;
- Đoàn đánh giá ngoài;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Chấn